

KẾT LUẬN THANH TRA
Quỹ tín dụng nhân dân Bến Gỗ

Thực hiện Quyết định số 15/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 03/6/2024 của Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai (NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai) về việc thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Bến Gỗ (QTDND Bến Gỗ). Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại QTDND Bến Gỗ từ ngày 17/6/2024 đến ngày 05/7/2024.

Xét báo cáo kết quả thanh tra QTDND Bến Gỗ ngày 19/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra, giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận như sau:

PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG

I. Cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động

- QTDND Bến Gỗ được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-NHNN-TDND ngày 24/01/1996 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN ngày 24/01/1996 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Đăng ký kinh doanh số 250476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13/11/1998, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/05/2023.

- Địa chỉ: 739A, khu phố 5, ấp 2, xã An Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Số lượng thành viên tại các thời điểm: 31/12/2022: 479 người; thời điểm 31/12/2023: 517 người và thời điểm 30/4/2024: 512 người.

- Địa bàn hoạt động: 04 phường xã liền kề, bao gồm: phường An Hòa, phường Long Bình Tân, phường Phước Tân và xã Long Hưng;

- Địa chỉ trụ sở: số 739A, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức: Đến thời điểm 30/4/2024, QTDND có tổng số 11 người trong đó có 10 người làm việc thường xuyên tại Quỹ và 01 người làm việc theo chế độ bán chuyên trách gồm: Hội đồng quản trị 03 người, Ban Kiểm soát 03 người, Ban điều hành 02 người trong đó có 01 người là thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán 02 người, Tín dụng 02 người trong đó có 01 người là thành viên HĐQT, Kho quỹ 01 người.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người; Đại học: 06 người; Trung cấp: 04 người; Số người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 09 người, chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 02 người.

II. Tình hình hoạt động

1. Về nguồn vốn hoạt động

Tổng nguồn vốn đến 30/4/2024 đạt 54.205 triệu đồng, tăng 6.726 triệu đồng, tỷ lệ tăng 14,7% so với thời điểm 31/12/2022 và tăng 852 triệu đồng, tỷ lệ tăng 1,6% so với thời điểm 31/12/2023, trong đó:

- Vốn huy động: Thời điểm 30/4/2024 là 47.676 triệu đồng, tăng 6.474 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15,7% so với 31/12/2022 và tăng 796 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2% so với 31/12/2023.

- Vay NHHHTX 0 triệu đồng, chiếm 0% tổng nguồn vốn.

- Tài sản nợ khác đạt 896 triệu đồng, chiếm 1,6% tổng nguồn vốn, tăng 167 triệu đồng, tỷ lệ tăng 22,9% so với 31/12/2022 và tăng 118 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15% so với 31/12/2023.

- Vốn và các quỹ đạt 6.454 triệu đồng, chiếm 11,7 % tổng nguồn vốn, tăng 139 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2,2% so với 31/12/2022 và tăng 4 triệu đồng, tỷ lệ tăng 0,06% so với 31/12/2023. Trong đó vốn điều lệ: là 2.187 triệu đồng, tăng 19 triệu đồng, tỷ lệ tăng 0,9% so với 31/12/2022 và không thay đổi so với 31/12/2023.

2. Về sử dụng vốn

- Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ của QTDND Bến Gỗ đến 30/4/2024 là 40.279 triệu đồng, tăng 1.365 triệu đồng, tỷ lệ tăng 3,5% so với 31/12/2022 và tăng 1.088 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2,77% so với 31/12/2023. Trong đó: nợ xấu là 252 triệu đồng, chiếm 0,62%/tổng dư nợ, nợ nhóm 2 là 39 triệu đồng, chiếm 0,1%/ tổng dư nợ.

- Tiền gửi tại các TCTD khác: 10.012 triệu đồng, tăng 3.656 triệu, tỷ lệ tăng 57,5% so với 31/12/2022 và tăng 338 triệu, tỷ lệ tăng 3,5% so với 31/12/2023, trong đó tiền gửi tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam là 8.471 triệu đồng và tiền gửi tại các TCTD khác là 1.541 triệu đồng, đây là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác.

3. Kết quả kinh doanh:

Cuối năm 2022 lãi sau khi trừ thuế là 518 triệu đồng; Cuối năm 2023 lãi sau khi trừ thuế là 469 triệu đồng; Đến 30/4/2024 thu nhập cao hơn chi phí là 223 triệu đồng.

PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và hoạt động của hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ

1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

1.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT

HĐQT QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022-2027) có 03 người gồm: bà Đinh Thị Thanh Huệ - Chủ tịch HĐQT, bà Phạm Thị Diễm Phúc – Thành viên

HĐQT, bà Bùi Phạm Ngọc Hà – Thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên đều đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của NHNN Việt Nam đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến bầu tại văn bản số 1227/ĐNA-TTGS ngày 29/7/2022 và được Đại hội đại biểu thành viên QTDND Bến Gỗ bầu ngày 13/8/2022 theo Nghị quyết số 28/NQ-ĐHTV. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ 2022-2027 có sự thay đổi thành viên HĐQT, cụ thể: bà Phạm Thị Diễm Phúc xin miễn chức danh thành viên HĐQT do đi định cư nước ngoài, QTDND Bến Gỗ đã tìm nhân sự thay thế là bà Hoàng Thị Tuyết Mai, được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại văn bản 171/ĐNA-TTGS ngày 23/02/2024, theo đó chấp thuận bà Hoàng Thị Tuyết Mai dự kiến bổ sung thành viên HĐQT của QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022- 2027) và đã được Đại hội thành viên bầu ngày 08/3/2024, đồng thời Đại hội thành viên miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với bà Phạm Thị Diễm Phúc theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHTN.

Như vậy, cơ cấu của HĐQT QTDND Bến Gỗ gồm chủ tịch và các thành viên, số lượng thành viên HĐQT QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022 -2027) là 03 thành viên và nhiệm kỳ HĐQT do Đại hội thành viên quyết định là 05 năm phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) “1. HĐQT là cơ quan quản trị ngân hàng hợp tác xã, QTDND, bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác của HĐQT; 2. Số lượng thành viên HĐQT do Đại hội thành viên quyết định, nhưng không ít hơn 03 thành viên; 3. Nhiệm kỳ của HĐQT do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 năm và không quá 05 năm....”

1.2. Việc ban hành các văn bản, quy định, quy trình nội bộ của HĐQT

- HĐQT QTDND Bến Gỗ đã ban hành đầy đủ các quy định nội bộ quy định tại Điều 93, Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi chung là Luật các Tổ chức tín dụng) như: Quy chế cho vay; Quy chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; Quy chế Tỷ lệ an toàn; Quy chế về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ; Quy chế quản trị rủi ro; Quy chế phòng chống rửa tiền tài trợ khủng bố; Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp ... Bên cạnh đó, liên quan đến nội dung thanh tra, Quỹ đã ban hành các quy định nội bộ để hướng dẫn, thống nhất áp dụng thực hiện như: Điều lệ QTDND Bến Gỗ; Quy chế Cơ cấu tổ chức hoạt động QTDND Bến Gỗ; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Quy chế tổ chức và hoạt động của BDH; Quy chế chứng từ kế toán; Quy chế quản lý ấn chỉ; Quy chế huy động tiền gửi tiết kiệm ... đa phần các quy chế nội bộ của QTDND Bến Gỗ cơ bản phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, còn một số quy chế QTDND Bến Gỗ áp dụng các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực để làm cơ sở pháp lý dẫn đến một số nội dung trong quy chế nội bộ không còn phù hợp với quy định của pháp luật, đơn cử như: các quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS, BDH ban hành năm 2021-2022 căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-NHNN ngày 11/9/2006 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy

định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS, BDH QTDND và Quyết định số 31/2006/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, thành viên BKS và người điều hành QTDND đã hết hiệu lực từ ngày 01/6/2015; một số quy chế chưa kịp thời ban hành sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành, đơn cử như: quy chế cho vay, quản lý tiền vay ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 05/6/2021 của Chủ tịch HĐQT QTDND Bến Gỗ chưa đảm bảo các nội dung tối thiểu theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các Thông tư sửa đổi bổ sung gồm Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 và Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023 (sau đây gọi chung là Thông tư 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung) như: chưa quy định về chấm dứt cho vay, xử lý nợ, miễn, giảm lãi tiền vay, phí; nhận dạng các loại rủi ro có thể phát sinh trong quá trình cho vay; quy trình theo dõi, đánh giá và kiểm soát rủi ro, phương án xử lý rủi ro; Kiểm soát việc cho vay....; một số quy chế ban hành còn chậm, chưa kịp thời so với thời điểm có hiệu lực thi hành của các quy phạm pháp luật, đơn cử: ngày 05/10/2022 HĐQT mới ban hành quy chế tiền gửi tiết kiệm theo Quyết định số 03/QC-TGTK trong khi Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm (sau đây gọi là Thông tư 48/2018/TT-NHNN) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/7/2019...

Trách nhiệm người có liên quan: HĐQT nhiệm kỳ VI (2017-2022).

1.3. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT

- Hàng tháng HĐQT có tổ chức họp do Chủ tịch HĐQT chủ trì, có lưu biên bản họp định kỳ hàng tháng, các cuộc họp có đánh giá kết quả tháng trước đề ra phương hướng hoạt động tháng sau, nội dung và kết luận cuộc họp được ghi đầy đủ trong sổ họp, biên bản cuộc họp HĐQT có đủ chữ ký của chủ tọa, các thành viên HĐQT và thư ký. Chủ tịch HĐQT ban hành Nghị quyết để BDH và các bộ phận nghiệp vụ triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về QTDND (sau đây gọi là Thông tư 04/2015/TT-NHNN) và Điều 82 Luật các tổ chức tín dụng. Biên bản cuộc họp của HĐQT có ghi nhận sự tham dự của Trưởng BKS theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Luật các tổ chức tín dụng.

- Về tổ chức Đại hội thường niên: Đại hội thường niên họp mỗi năm một lần trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do HĐQT triệu tập. Hồ sơ lưu trữ HĐQT tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư 04/2015/TT-NHNN. Đại hội thành viên QTDND Bến Gỗ tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu thành viên, tiêu chuẩn về đại biểu tham dự đại hội được quy định tại Điều lệ của QTND Bến Gỗ, số lượng thành viên tham dự đại hội phù hợp với quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư 04/2015/TT-NHNN.

- Chủ tịch HĐQT hoạt động theo chế độ chuyên trách, làm việc thường trực hàng ngày để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của QTDND như: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT thực hiện, giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của HĐQT, Đại hội thành viên... theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND) (sau đây gọi là Thông tư 21/2019/TT-NHNN).

2. Ban điều hành (BDH)

2.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên BDH

BDH QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022-2027), có 02 thành viên, gồm:

- Bà Phạm Thị Diễm Phúc – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn theo quy định đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Giám đốc QTDND Bến Gỗ tại văn bản số 1227/ĐNA-TTGS ngày 29/7/2022 và đã được HĐQT bổ nhiệm ngày 16/8/2022. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ 2022-2027 có sự thay đổi Giám đốc, cụ thể: bà Phạm Thị Diễm Phúc xin thôi giữ chức vụ Giám đốc do đi định cư nước ngoài, QTDND Bến Gỗ đã tìm nhân sự thay thế là bà Mai Thị Quỳnh Như, đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại văn bản 171/ĐNA-TTGS ngày 23/02/2024, được Đại hội thành viên thông qua ngày 08/3/2024 và được HĐQT bổ nhiệm ngày 09/3/2024 theo Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐQT.

- Bà Bùi Phạm Ngọc Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc được bổ nhiệm theo Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐQT ngày 15/8/2022 của HĐQT.

2.2. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BDH

Trong thời kỳ thanh tra, BDH QTDND Bến Gỗ đã cơ bản điều hành các mặt hoạt động của QTDND theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật, chấp hành tương đối tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, nghị quyết của HĐQT. Tuy nhiên, BDH vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành các mặt nghiệp vụ của QTDND, còn để xảy ra một số sai sót trong các mặt nghiệp vụ như: công tác cho vay, việc chấp hành các quy định về đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn ...

3. Ban kiểm soát (BKS)

3.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên BKS

BKS QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022-2027) có 03 người gồm: ông Thái Hoàng Hùng- Trưởng BKS, ông Trần Văn Em – Thành viên BKS, bà Triệu Thị Thùy Linh – Thành viên BKS. Trưởng BKS và các thành viên đều đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của NHNN Việt Nam đã được NHNN Chi

nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến bầu tại văn bản số 1227/ĐNA-TTGS ngày 29/7/2022 và được Đại hội đại biểu thành viên QTDND Bến Gỗ bầu ngày 13/8/2022 theo Nghị quyết số 28/NQ-ĐHTV. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ 2022-2027 có sự thay đổi thành viên BKS, cụ thể: ông Thái Hoàng Hùng xin miễn chức danh thành viên BKS do đi định cư nước ngoài, QTDND Bến Gỗ đã tìm nhân sự thay thế là bà Bùi Thị Thúy Đông, đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại văn bản 171/ĐNA-TTGS ngày 23/02/2024, theo đó chấp thuận bà Bùi Thị Thúy Đông dự kiến bổ sung làm Trưởng BKS của QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022- 2027) và đã được Đại hội thành viên bầu ngày 08/3/2024, đồng thời Đại hội thành viên miễn nhiệm chức danh Trưởng BKS đối với ông Thái Hoàng Hùng theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHTN.

Như vậy, số lượng thành viên BKS QTDND Bến Gỗ nhiệm kỳ VII (2022 - 2027) là 03 thành viên do Đại hội thành viên bầu trực tiếp trong đó Trưởng BKS và 01 thành viên BKS làm việc theo chế độ chuyên trách, nhiệm kỳ của BKS theo nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật các Tổ chức tín dụng “1. BKS có không ít hơn 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 01 kiểm soát viên chuyên trách; 2. Trưởng ban và thành viên BKS do Đại hội thành viên bầu trực tiếp....5. Nhiệm kỳ của BKS theo nhiệm kỳ của HĐQT”.

3.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BKS

- BKS thực hiện lập chương trình kiểm soát nội bộ tháng, thực hiện họp mỗi tháng ít nhất một lần, được ghi vào sổ họp BKS do Trưởng ban triệu tập và chủ trì theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư 04/2015/TT-NHNN. Trưởng BKS thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong BKS theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Thông tư 04/2015/TT-NHNN.

- Hàng tháng, quý, BKS thực hiện báo cáo công tác kiểm tra, kiểm soát theo đúng quy định.

- Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Thông tư 04/2015/TT-NHNN.

Trong thời kỳ thanh tra, hoạt động của BKS thực hiện tương đối tốt chức năng nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra một số hoạt động của BKS vẫn chưa phát hiện được một số sai sót, hạn chế trong hoạt động của QTDND để có các kiến nghị đề xuất với HĐQT, Ban điều hành khắc phục chỉnh sửa kịp thời.

3.3. Về thực hiện kiểm toán nội bộ

QTDND Bến Gỗ có thực hiện kiểm toán nội bộ theo Quy chế kiểm toán nội bộ đã ban hành và phân công 01 thành viên BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 40, 41 Luật các tổ chức tín dụng và quy định tại Điều 14 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư 44/2011/TT-NHNN). Hàng năm, nhân sự được phân công nhiệm vụ thực hiện kiểm toán nội bộ xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư 44/2011/TT-NHNN và thực

hiện lập báo cáo kiểm toán nội bộ, gửi kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 28 Thông tư 44/2011/TT-NHNN.

II. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động huy động vốn và chấp hành lãi suất huy động

1. Các chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động huy động vốn, lãi suất huy động

1.1. Các quy định nội bộ về huy động vốn

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Bến Gỗ ban hành quy định nội bộ về giao dịch tiền gửi tiết kiệm, về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng theo Quyết định số 03/QC-TGTK ngày 05/10/2022 của HĐQT. Về cơ bản quy chế ban hành phù hợp với Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là Thông tư 14/2017/TT-NHNN) và Thông tư số 48/2018/TT-NHNN, đảm bảo việc thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm giữa QTDND Bến Gỗ và khách hàng giao dịch tiền gửi chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền cũng như hoạt động của QTDND Bến Gỗ.

1.2. Các quy định nội bộ về quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Bến Gỗ thực hiện công tác quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm (STK) trắng theo Quyết định số 12/2021/QCHĐQT ngày 05/01/2021 quy định việc nhập, xuất, bảo quản, kiểm kê, quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng và giấy tờ có giá của HĐQT QTDND Bến Gỗ. Nội dung quy định về quản lý, sử dụng STK trắng theo đúng quy định tại Điều 36 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm 3 khoản 20 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN).

1.3. Việc ban hành các quy định về lãi suất huy động

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Bến Gỗ thực hiện mức lãi suất huy động theo các Nghị quyết điều chỉnh lãi suất tiền gửi của HĐQT, cụ thể:

+ Năm 2022 thực hiện theo các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT ngày 05/4/2022; Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐQT ngày 18/8/2022; Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 28/9/2022; Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022; Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐQT ngày 26/10/2022; Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐQT ngày 10/11/2022; Nghị quyết số 52/2022/NQ-HĐQT ngày 23/11/2022.

+ Năm 2023 và năm 2024 thực hiện theo các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 021/2023/NQ-HĐQT ngày 19/6/2023; Nghị quyết số 027/2023/NQ-HĐQT ngày 18/8/2023; Nghị quyết số 032/2023/NQ-HĐQT ngày 09/10/2023; Nghị quyết số 042/2023/NQ-HĐQT ngày 17/11/2023; Nghị quyết số 046/2023/NQ-HĐQT ngày 04/12/2023; Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 03/4/2023; Nghị quyết số 051/2023/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023; Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐQT ngày 05/02/2024; Nghị quyết số 017/2024/NQ-HĐQT ngày 09/3/2024; Nghị quyết số 019/2024/NQ-HĐQT ngày 20/3/2024.

Kết quả kiểm tra nhận thấy: Về cơ bản các quyết định lãi suất do HĐQT ban hành không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng, từ 01 tháng đến dưới 06 tháng theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 của NHNN Việt Nam quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư 07/2014/TT-NHNN), do NHNN Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ đối với loại hình QTDND cụ thể: Quyết định số 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 của NHNN Việt Nam (hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2020); Quyết định số 1607/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022 của NHNN Việt Nam (hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/9/2022); Quyết định số 1812/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022 của NHNN Việt Nam (hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/10/2022). Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 của NHNN Việt Nam (hiệu lực từ ngày 03/4/2023); Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 của NHNN Việt Nam (hiệu lực từ ngày 25/5/2023); Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 của NHNN Việt Nam (hiệu lực từ ngày 19/6/2023).

2. Thanh tra hoạt động huy động vốn và chấp hành các quy định về lãi suất

2.1. Tình hình huy động vốn qua một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022 (1)	31/12/2023 (2)	30/4/2024 (3)	So Sánh			
				(3) so với (1)		(3) so với (2)	
				Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Tổng nguồn vốn huy động	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
A. Huy động vốn từ dân cư	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
I. Phân theo thời hạn	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
1. Tiền gửi KKH	0	0	0	0	0%	0	0%
2. Tiền gửi CKH	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
2.1. Từ 01 đến 05 tháng	5.495	7.595	7.366	1.871	34,05%	-229	-3,02%
2.2 Từ 06 tháng đến 11 tháng	4.223	8.909	10.560	6.337	150,06%	1.651	18,53%
2.3. Từ 12 tháng trở lên	31.484	30.376	29.751	(1.733)	-5,50%	-625	-2,06%
II. Phân theo đối tượng	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
1. Tiền gửi của TCKT	0	0	0	0	0%	0	0%

2. Tiền gửi của cá nhân	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
III. Phân theo thành viên	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
1. Trong thành viên	27.900	27.979	29.054	1.154	4,14%	1.075	3,84%
2. Ngoài thành viên	13.302	18.901	18.622	5.320	39,99%	-279	-1,48%
<i>Tỷ lệ huy động trong thành viên/tổng huy động vốn</i>	68%	60%	61%				
IV. Phân theo địa bàn	41.202	46.880	47.676	6.474	15,71%	796	1,70%
1. Tại địa bàn hoạt động	41.082	46.430	46.935	5.853	14,25%	505	1,09%
2. Ngoài địa bàn hoạt động	120	450	741	621	517,50%	291	64,67%
<i>Tỷ lệ huy động tại địa bàn/tổng huy động vốn</i>	99,71%	99,04%	98,45%				
B. Vay vốn từ NHHTX	0	0	0				
<i>Tỷ lệ vốn vay/tổng huy động</i>	0%	0 %	0 %				

Đến 30/4/2024, tổng nguồn vốn huy động là 47.676 triệu đồng với 310 sổ tiết kiệm/153 khách hàng tiền gửi; so với 31/12/2023 tăng 796 triệu đồng, tỷ lệ tăng 1,70%; so với 31/12/2022 tăng 6.474 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15,71%, trong đó 100% nguồn vốn huy động là từ tiền gửi của khách hàng. QTDND Bến Gỗ thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với kỳ hạn huy động cao nhất là 13 tháng và không có tiền gửi không kỳ hạn, phù hợp với quy mô hoạt động, mô hình quản lý và địa bàn hoạt động của Quỹ. Trong thời kỳ thanh tra, Quỹ không vay vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (NHHTX) cho thấy công tác phát triển nguồn vốn huy động từ thị trường 1 của Quỹ khá dồi dào và ổn định, giúp cho Quỹ chủ động đáp ứng nhu cầu vay vốn của thành viên trên địa bàn, mở rộng quy mô, duy trì hoạt động bền vững.

- *Về tỷ lệ vốn huy động so với vốn chủ sở hữu*: QTDND Bến Gỗ đảm bảo tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN “3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: 2. QTDND phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu.....”. Cụ thể: Tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2022 là 7,45 lần; Thời điểm 31/12/2023 là 8,25 lần; Thời điểm 30/4/2024 là 8,51 lần.

- *Về tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động*: Theo báo cáo của QTDND Bến Gỗ và qua đối chiếu giữa sao kê tiền gửi với sao kê thành viên trên hệ thống kế toán của QTDND Bến Gỗ trong trong thời kỳ thanh tra nhận thấy số liệu báo cáo tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động vốn của Quỹ khớp đúng kết quả kiểm tra, đối chiếu. Tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động về cơ bản đều đảm bảo đạt tối thiểu tỷ lệ 60% theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN “2. Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của

QTDND có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND....”, cụ thể: Thời điểm 31/12/2022 đạt 68%; Thời điểm 31/12/2023 đạt 60%; Thời điểm 30/4/2024 đạt 61%.

- Về huy động vốn từ việc vay NHHTX: Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Bến Gỗ không phát sinh khoản vay tại NHHTX Chi nhánh Đồng Nai, nguồn vốn để cho vay hoàn toàn từ tiền gửi của khách hàng và vốn chủ sở hữu.

2.2. Việc thực hiện đăng ký mua, quản lý và sử dụng STK trắng

- Việc đăng ký mua STK trắng: Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Bến Gỗ thực hiện đăng ký mua thêm 1.000 STK trắng có kỳ hạn từ AC1360301 – AC1361300 tại NHHTX Chi nhánh Đồng Nai vào năm 2022 và ngày 10/5/2022 thực hiện hạch toán nhập kho 1.000 STK trắng có kỳ hạn để bảo quản theo đúng quy định tại Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/3/2015 của NHNN Việt Nam về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán. Quỹ thực hiện kiểm kê, đối chiếu STK trắng vào cuối mỗi tháng theo quy định tại Điều 59 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNN Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2021/TT-NHNN ngày 24/11/2021).

- Việc quản lý và sử dụng STK trắng:

Thời điểm 31/12/2022: Số dư STK trắng tồn đầu kỳ là 1.933 sổ (433 sổ có kỳ hạn từ AC0827368 đến AC0827800, 500 sổ không kỳ hạn từ AN0091501 đến AN0092000 tồn cuối năm 2021 chuyển sang); Nhập kho trong kỳ 1.000 STK trắng có kỳ hạn; Xuất kho trong kỳ 466 STK trắng (465 sổ có kỳ hạn và 01 sổ không kỳ hạn). Số dư STK trắng tồn quỹ cuối kỳ là 1.467 sổ.

Thời điểm 31/12/2023: Số dư STK trắng tồn đầu kỳ là 1.467 sổ (968 sổ có kỳ hạn từ AC1360333 đến AC1361300, 499 sổ không kỳ hạn từ AN0091502 đến AN0092000 tồn cuối năm 2022 chuyển sang); Xuất kho trong kỳ 463 STK trắng có kỳ hạn. Số dư STK trắng tồn quỹ là 1.004 sổ.

Thời điểm 30/4/2024: Số dư STK trắng tồn đầu kỳ là 1.004 sổ (505 sổ có kỳ hạn từ AC1360796 đến AC1361300, 499 sổ không kỳ hạn từ AN0091502 đến AN0092000 tồn cuối năm 2023 chuyển sang); Xuất kho trong kỳ 161 STK trắng có kỳ hạn. Số dư STK trắng tồn quỹ là 843 sổ (344 sổ có kỳ hạn từ AC1360957 đến AC1361300, 499 sổ không kỳ hạn từ AN0091502 đến AN0092000).

- Quản lý ấn chỉ hồng: Trong thời kỳ thanh tra, có 02 STK có kỳ hạn bị hồng phát sinh trong năm 2022, cụ thể: Ngày 19/8/2022 hồng 01 STK có kỳ hạn số AC0827632; Ngày 21/12/2022 hồng 01 STK có kỳ hạn số AC1360311. Đối với ấn chỉ hồng Quỹ thực hiện gạch chéo, ghi chép đầy đủ thông tin trên sổ theo dõi ấn chỉ quan trọng và được đóng trong chứng từ kế toán tại thời điểm phát sinh.

Kết quả kiểm tra nhận thấy: QTDND Bến Gỗ theo dõi xuất, nhập ấn chỉ quan trọng là STK trắng được theo dõi, quản lý, hạch toán kế toán chặt chẽ. Việc xuất, nhập STK hàng ngày vừa được ghi chép viết tay đầy đủ, kẹp thời vào sổ theo

dôi xuất nhập STK có kỳ hạn vừa cập nhật, theo dõi trên phần mềm. Số lượng, số seri STK được kiểm kê quyết toán cuối mỗi năm tài chính trong thời kỳ thanh tra khớp đúng số lượng, số seri theo dõi trên sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn và sổ kế toán chi tiết hạch toán trên tài khoản 999 “Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản”.

2.3. Việc chấp hành các quy định về nhận tiền gửi của khách hàng

Thực hiện kiểm tra 302 thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm tại thời điểm kiểm tra ngày 18/6/2024 nhận thấy có 02 thẻ lưu tiền gửi là thẻ tiết kiệm mẫu cũ phát hành trước thời điểm ngày 01/01/2020 (số AB7545797 ngày gửi 08/10/2012, kỳ hạn gửi 13 tháng của khách hàng Lâm Tấn Phước và số AB7542963 ngày gửi 03/01/2013, kỳ hạn gửi 12 tháng của khách hàng Trương Tấn Vũ); còn lại 300 thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm sử dụng theo mẫu do NHHTX ban hành theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN. Nội dung thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm về cơ bản đầy đủ các thông tin gửi tiền của khách hàng và thông tin của QTDND Bến Gỗ, có đầy đủ chữ ký của khách hàng và chữ ký của cán bộ Quỹ có liên quan theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư 48/2018/TT-NHNN.

- Căn cứ sao kê tiền gửi do QTDND Bến Gỗ cung cấp, chọn mẫu kiểm tra việc huy động tiền gửi tiết kiệm có số tiền gửi từ 300 triệu đồng đối với 49 khách hàng với tổng số dư tiền gửi đến thời điểm 30/4/2024 là 35.390 triệu đồng, nhận thấy việc huy động vốn của QTDND Bến Gỗ có đầy đủ chứng từ (gồm giấy gửi tiền, thẻ lưu sổ tiết kiệm, phiếu xuất ngoại bảng, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt), các nội dung tối thiểu ghi trên sổ tiết kiệm thể hiện đầy đủ và được hạch toán theo quy định, mức lãi suất huy động từ 01- dưới 06 tháng và từ 06 tháng trở lên ghi trên sổ tiết kiệm đúng quy định về biểu lãi suất do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và đúng theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của NHNN Việt Nam. Nội dung thẻ lưu của các sổ tiền gửi khớp đúng thông tin trên sao kê tiền gửi thời điểm 30/4/2024.

2.4. Việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động

2.4.1. Đối với khách hàng tắt toán đúng hạn và đối với khách hàng còn số dư tiền gửi:

Chọn mẫu 15 STK của các khách hàng tắt toán đúng hạn và khách hàng còn số dư tiền gửi đến thời điểm 30/4/2024 với tổng số dư tiền gửi 5.035 triệu đồng gồm các sổ tiền gửi số: AC1360630; AC1360315; AC1360535; AC1360313; AC0827326; AC0827330; AC0827338; AC0827341; AC0827570; AC0827461; AC0827678; AC0827681; AC1360677; AC1360428; AC1360580 (chi tiết tại Biểu 01 – Biểu kiểm tra huy động vốn).

Kết quả kiểm tra nhận thấy, QTDND Bến Gỗ thực hiện áp dụng lãi suất đối với các sổ tiền gửi tiết kiệm từ 01 tháng đến dưới 06 tháng không vượt mức lãi suất quy định của NHNN Việt Nam, đối với các sổ tiền gửi tiết kiệm từ 06 tháng trở lên ghi trên STK thực hiện chi trả đúng quy định về biểu lãi suất do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ. Việc tính và trả lãi đối với các STK có kỳ

hạn đến hạn chi trả lãi/tất toán số tiền gửi đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN “Số tiền lãi bằng tổng số dư thực tế nhân với số ngày duy trì số dư thực tế nhân với lãi suất và chia cho 365...”. Việc chi trả tiền gửi có đầy đủ các chứng từ theo quy định như giấy lĩnh tiền, sổ tiết kiệm, thẻ lưu, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt, bảng kết hợp chứng từ và được hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời, đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ hạch toán gồm giấy lĩnh tiền, sổ tiền gửi, thẻ lưu của khách hàng, hạch toán đúng số tiền khách hàng thực nhận và đúng số hiệu tài khoản kế toán.

2.4.2. Đối với khách hàng tất toán trước hạn

Chọn mẫu 12 STK của 12 khách hàng tất toán trước hạn với số dư tiền gửi 4.688 triệu đồng gồm các sổ tiền gửi số: AC1360717; AC0827755; AC0827661; AC0827380; AC0827750; AC0827730; AC0827390; AC0827322; AC0827320; AC0827683; AC0827737; AC0827585 (chi tiết tại Biểu 01 - Kiểm tra huy động vốn).

Kết quả kiểm tra nhận thấy QTDND Bến Gỗ áp dụng lãi suất không kỳ hạn đối với 12 sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn rút trước hạn thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 của NHNN Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư 04/2022/TT-NHNN) “1. Trường hợp khách hàng rút trước hạn toàn bộ tiền gửi: tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng và/hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi...”.

2.4.3. Đối với khách hàng rút 01 phần gốc

Chọn mẫu đối với 07 sổ tiết kiệm của 06 khách hàng rút trước 01 phần gốc nhận thấy: Khách hàng tiền gửi rút 01 phần gốc tại QTDND Bến Gỗ trong thời kỳ thanh tra phát sinh không nhiều và kể từ ngày 01/8/2022, QTDND Bến Gỗ thực hiện chi trả cho phần gốc rút trước hạn theo mức lãi suất không kỳ hạn, tiếp tục duy trì phần tiền gửi còn lại với kỳ hạn thỏa thuận ban đầu và vẫn áp dụng mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản tiền gửi mà khách hàng rút trước hạn một phần gốc đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 04/2022/TT-NHNN và phù hợp với lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn mà Quỹ niêm yết tại thời điểm chi trả, cụ thể:

- Khách hàng Bùi Thị Hoa, sổ số AC0827396, ngày gửi 28/01/2023, số tiền gửi ban đầu 50 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 28/01/2023, lãi suất trên sổ là 4,5%. Ngày 30/9/2022, khách hàng rút một phần gốc số tiền 20 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,2%.

- Khách hàng Hoàng Thượng Hải, sổ số AC0827765, ngày gửi 23/11/2022, số tiền gửi ban đầu 20 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 23/11/2023, lãi suất trên sổ 8,2%. Ngày 28/12/2022, khách hàng rút một phần gốc số tiền 10 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,2%.

- Khách hàng Ngô Thị Hòa, số sổ AC1360651, ngày gửi 09/10/2023, số tiền gửi ban đầu 200 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 09/10/2024, lãi suất trên sổ 7,5%. Ngày 08/12/2022, khách hàng rút một phần gốc số tiền 50 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,5%.

- Khách hàng Ngô Thị Hòa, số sổ AC1360639, ngày gửi 29/11/2023, số tiền gửi ban đầu 100 triệu đồng, kỳ hạn 02 tháng, ngày đến hạn 29/01/2024, lãi suất trên sổ 4,5%. Ngày 22/11/2023, khách hàng rút một phần gốc số tiền 50 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,5%.

- Khách hàng Nguyễn Thị Thu Hương, số sổ AC0827680, ngày gửi 26/9/2022, số tiền gửi ban đầu 450 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 26/9/2023, lãi suất trên sổ 6,5%. Ngày 09/01/2023, khách hàng rút một phần gốc số tiền 50 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,2%.

- Khách hàng Nguyễn Thị Kim Yến, số sổ AC1360903, ngày gửi 07/3/2024, số tiền gửi ban đầu 140 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, ngày đến hạn 07/6/2024, lãi suất trên sổ 4,5%. Ngày 08/4/2024, khách hàng rút một phần gốc số tiền 40 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,5%.

- Khách hàng Trần Đình Nghị, số sổ AC1360586, ngày gửi 10/8/2023, số tiền gửi ban đầu 27 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 10/8/2024, lãi suất trên sổ 8%. Ngày 03/10/2023, khách hàng rút một phần gốc số tiền 17 triệu đồng với lãi suất rút trước hạn là 0,5%.

2.5. Việc quy định về biện pháp tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và niêm yết công khai thông tin về huy động tiền gửi tiết kiệm tại trụ sở

Lãi suất tiền gửi tiết kiệm; Thủ tục giao dịch tiền gửi tiết kiệm; Quy định về từng hình thức nhận tiền gửi tiết kiệm; Xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất thẻ tiết kiệm; Biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm được niêm yết công khai tại trụ sở theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN.

2.6. Việc áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi và chi hoa hồng môi giới

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Bến Gỗ không có áp dụng các chương trình khuyến mãi, lãi suất ưu đãi trong hoạt động huy động vốn; Không thực hiện chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động huy động vốn.

2.7. Đối chiếu khách hàng gửi tiền

Kết quả chọn mẫu đối chiếu, xác minh thực tế đối với 23 khách hàng gửi tiền với tổng số dư tiền gửi đến 30/4/2024 là 18.573 triệu đồng, chiếm 38,96%/tổng vốn huy động tiền gửi tại QTDND Bến Gỗ; Khách hàng xác nhận có gửi tiền tiết kiệm tại QTDND Bến Gỗ, số dư tiền gửi trên sổ tiết kiệm do khách hàng xác nhận khớp đúng số dư tiền gửi trên sao kê tiền gửi đến 30/4/2024; Các sổ tiết kiệm có chữ ký đầy đủ theo quy định, được hạch toán trên sổ sách kế toán theo đúng quy định (chi tiết tại Biểu 02 – Danh sách đối chiếu xác minh tiền gửi).

III. Thanh tra việc chấp hành quy định về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động

1. Quy định, chính sách nội bộ

QTDND Bến Gỗ đã ban hành quy định nội bộ theo quyết định số 28/QĐ-HĐQT ngày 15/6/2021 của HĐQT về việc ban hành các quy chế về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của QTDND Bến Gỗ, phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của NHNN Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của QTDND (sau đây gọi là Thông tư 32/2015/TT-NHNN) (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 1, Điều 4 Thông tư 21/2019/TT-NHNN).

2. Về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động

2.1. Về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Theo số liệu báo cáo của QTDND Bến Gỗ, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Quỹ tại một số thời điểm như sau:

T T	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 30/4/2024
1	Tổng cộng vốn tự có để tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	5.290,8	5.491,5	5.654,5
2	Tổng tài sản "Có" được phân nhóm theo các mức độ rủi ro	27.455,8	29.037,6	30.886
	Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn = (1)/(2)x100	19,27%	18,91%	18,31%

Kết quả thanh tra nhận thấy, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của QTDND Bến Gỗ đảm bảo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN (*Chi tiết tại Phụ lục 5.2 – Biểu tổng hợp tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại QTDND Bến Gỗ*).

2.2. Về khả năng chi trả

Theo số liệu báo cáo của QTDND Bến Gỗ, tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/4/2024 như sau:

Khoản mục	Ngày 31/12/2022		Ngày 31/12/2023		Ngày 30/4/2024	
	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo
I. Tài sản "Có" có thể thanh toán ngay đã quy đổi theo tỷ lệ (Tr.đ)	9.053	9.135	12.933,3	13.055,1	13.519,1	13.609,2

II. Tài sản “Nợ” phải thanh toán đã quy đổi theo tỷ lệ (Tr.đ)	590	1.297	755,3	2.380,5	578,5	774,8
Tỷ lệ khả năng chi trả ngày làm việc tiếp theo	15,35		17,123		23,37	
Tỷ lệ khả năng chi trả 07 ngày làm việc tiếp theo		7,04		5,48		17,56

Kết quả thanh tra nhận thấy, tỷ lệ khả năng chi trả của ngày làm việc tiếp theo và từ 2 đến 7 ngày làm việc tiếp theo đều lớn hơn 1, đảm bảo khả năng chi trả theo quy định tại Điều 6 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (*Chi tiết tại Phụ lục 5.3 – Biểu tính khả năng chi trả ngay và khả năng chi trả từ 2 đến 7 ngày tại QTDND Bến Gỗ*).

2.3. Về tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung, dài hạn

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 30/4/2024
B	Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn có thời hạn còn lại trên 01 (một) năm	11.531	9.848	8.853
C	Tổng nguồn vốn trung hạn và dài hạn	3.331	3.972	3.643
D	Tổng nguồn vốn ngắn hạn	41.202	46.389	47.676
A1	Tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn = (B-C)	8.200	5.876	5.210
A2	Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (tối đa 30%) = (B-C)/D x 100	19,90%	12,67%	10,93%

Kết quả thanh tra nhận thấy, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn của QTDND Bến Gỗ đều đảm bảo theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 21/2019/TT-NHNN) (*Chi tiết tại Phụ lục 5.4 – Bảng tính tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn tại QTDND Bến Gỗ*).

2.4. Về giới hạn tín dụng

- Về giới hạn cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng: Theo báo cáo của QTDND Bến Gỗ, tại thời điểm 30/4/2024, tổng dư nợ cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng là 624 triệu đồng (Nguyễn Thị Thu Hương – Kế toán trưởng, dư nợ

380 triệu đồng, Bùi Thị Thuý Đông – Kiểm soát trưởng, dư nợ 244 triệu đồng), chiếm tỷ lệ $11,04\% > 5\%$ chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Các TCTD và tiết a, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN. Tuy nhiên, đến ngày 02/7/2024 Bùi Thị Thuý Đông – Trưởng Ban kiểm soát đã tất toán 02 khoản vay (HĐTD số 177.2312.045.2104/HĐCV số tiền 200 triệu đồng, HĐTD số 163.2212/HĐCV số tiền 44 triệu đồng), Nguyễn Thị Thu Hương – Kế toán trưởng đã thực hiện trả một phần gốc với số tiền 110 triệu đồng, dư nợ còn lại 270 triệu đồng. Như vậy, tại thời điểm kiểm tra, tổng dư nợ cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng là 270 triệu đồng, chiếm tỷ lệ $4,77\% < 5\%$ theo quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng và tiết a, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN.

- *Về giới hạn cho vay đối với 01 khách hàng:* Theo sao kê tiền vay và báo cáo do Quỹ cung cấp, dư nợ cho vay tối đa tại thời điểm 30/4/2024 đối với 01 khách hàng là 800 triệu đồng, chiếm $14,15\%$ vốn tự có của Quỹ, đảm bảo về giới hạn cho vay được quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN.

- *Về giới hạn cho vay đối với nhóm khách hàng và người có liên quan:* Theo báo cáo của QTDND Bến Gỗ, Quỹ phát sinh dư nợ cho vay đối với nhóm khách hàng và người có liên quan với tổng dư nợ cao nhất của nhóm khách hàng là 1.200 triệu đồng, chiếm $21,22\%$ vốn tự có của Quỹ, đảm bảo không vượt quá 25% vốn tự có của quỹ theo quy định về giới hạn cho vay được quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN.

IV. Thanh tra chấp hành quy chế cho vay, phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng

1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ

QTDND Bến Gỗ đã ban hành một số chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, gồm: Quy chế cho vay đối với khách hàng của QTDND ban hành theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 05/6/2021; Quy định về giao dịch bảo đảm của QTDND Bến Gỗ ban hành theo Quyết định 50/2020/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2020; Quy chế cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng, thành viên vay vốn gặp khó khăn ban hành theo Quyết định 01/2023/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2023;

Về cơ bản Quỹ đã xây dựng được một số chính sách, quy định nội bộ về hoạt động cho vay dựa trên các văn bản quy định của NHNN Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan phù hợp về loại hình hoạt động.

2. Thực trạng tín dụng tại một số thời điểm

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	30/4/2024	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (1) với (2)		So sánh (1) với (3)	
	(1)	(2)	(3)	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1.1. Dư nợ phân loại theo thời gian	40.279	38.914	39.191	1.365	3,51%	1.088	2,78%

Cho vay ngắn hạn	25.468	24.866	24.148	602	2,42%	1.320	5,47%
Cho vay trung, dài hạn	14.811	14.047	15.042	764	5,44%	(231)	(1,54%)
1.2. Dư nợ phân loại theo mục đích cho vay	40.279	38.914	39.191	1.365	3,51%	1.088	2,78%
Cho vay phát triển Nông nghiệp, nông thôn	420	419	420	1	0,24%	0	0%
Cho vay tiêu dùng (Xây dựng, sửa chữa, mua nhà để ở, mua sắm phương tiện đi lại và tiêu dùng khác)	20.684	18.408	19.205	2.276	12,36%	1.479	7,70%
Cho vay sản xuất kinh doanh	19.174	20.086	19.565	(912)	(4,54%)	(391)	(2%)
1.3. Dư nợ phân theo tài sản đảm bảo	40.279	38.914	39.191	1.365	3,51%	1.088	2,78%
Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản	38.803	36.912	37.459	1.891	5,12%	1.344	3,59%
Dư nợ không có bảo đảm bằng tài sản	1.476	2.001	1.731	525	(26,24%)	(255)	(14,7%)
1.4. Dư nợ phân theo thành viên	40.279	38.914	39.191	1.365	3,51%	1.088	2,78%
Dư nợ cho vay khách hàng là thành viên QTD	39.629	37.854	32.437	1.775	4,69%	7.192	22,17%
Dư nợ cho vay khách hàng ngoài thành viên QTD	650	1.060	6.754	(410)	(38,7%)	(6.104)	(90,4%)
1.5. Dư nợ phân theo nhóm nợ	40.279	38.914	39.191	1.365	3,51%	1.088	2,78%
Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	39.987	38.652	38.952	1.335	3,45%	1.035	2,66%
Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	40	0	0	39	0	39	0
Nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)	14	0	0	14	0	14	0
Nợ nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)		0	0	0	0	0	0
Nợ nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	238	261	239	(23)	(8,81%)	(1)	(0,42%)
* Tỷ lệ nợ quá hạn	0,72%	0,67%	0,61%				
* Tỷ lệ nợ xấu	0,63%	0,67%	0,61%				

Nguồn: Theo số liệu báo cáo của QTDND Bến Gỗ

* Tổng dư nợ của QTDND Bến Gỗ đến 30/4/2024 là 40.279 triệu đồng, so với 31/12/2022 tăng 1.365 triệu đồng, tỷ lệ tăng 3,51%, so với 31/12/2023 tăng 1.088 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2,78%. Trong đó:

- *Dư nợ phân theo thành viên:* Dư nợ cho vay khách hàng là thành viên QTD: 39.629 triệu đồng, chiếm 98,39% dư nợ; Dư nợ cho vay khách hàng ngoài thành viên QTD: 650 triệu đồng, chiếm 1,61% dư nợ. Đây là khoản cho vay cầm cố sổ tiền gửi do Quỹ phát hành.

- *Dư nợ phân theo thời gian:* Cho vay ngắn hạn: 25.468 triệu đồng, chiếm 63,23% tổng dư nợ; Cho vay trung, dài hạn: 14.811 triệu đồng, chiếm 36,77% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo mục đích cho vay*: Tiêu dùng: 20.684 triệu đồng, chiếm 51,35% tổng dư nợ; Phát triển nông nghiệp, nông thôn: 420 triệu đồng, chiếm 1,04% tổng dư nợ; Kinh doanh dịch vụ: 19.174 triệu đồng, chiếm 47,60% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo tài sản đảm bảo*: Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản: 38.803 triệu đồng, chiếm 96,34% tổng dư nợ; Dư nợ không có bảo đảm bằng tài sản: 1.476 triệu đồng, chiếm 3,66% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo nhóm nợ*: Nợ nhóm 1: 39.987 triệu đồng, chiếm 99,28% tổng dư nợ; Nợ nhóm 2: 39 triệu đồng, chiếm 0,10% tổng dư nợ; Nợ nhóm 3: 14 triệu đồng, chiếm 0,03% tổng dư nợ; Nợ nhóm 4: 0 triệu đồng, chiếm 0% tổng dư nợ; Nợ nhóm 5: 238 triệu đồng, chiếm 0,59% tổng dư nợ;

Nợ xấu (nhóm 3,4,5): Đến 30/4/2024, nợ xấu QTDND Bến Gỗ là 252 triệu đồng, chiếm 0,63% tổng dư nợ.

***Nhận xét**: Nhìn chung, trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của Quỹ được duy trì khá ổn định, chất lượng tín dụng được kiểm soát tương đối tốt, tỷ lệ nợ xấu trong thời kỳ thanh tra luôn được kiểm soát dưới 3%.

3. Việc chấp hành quy chế cho vay

- Kết quả thanh tra: Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 50 hồ sơ tín dụng của 50 khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến 30/4/2024 là 26.834 triệu đồng, chiếm 66,62% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.2-Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*). Trong đó: (i) 48 hồ sơ nợ nhóm 1 với tổng dư nợ 26.596 triệu đồng; (ii) 02 hồ sơ nợ xấu với tổng dư nợ 238 triệu đồng, chiếm 100% nợ xấu.

- Vi phạm phát hiện qua thanh tra: Tổng số hồ sơ có liên quan đến các tồn tại, sai phạm gồm 33 hồ sơ tín dụng của 33 khách hàng với tổng dư nợ có sai phạm là 18.897 triệu đồng, chiếm 70,4% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.1-Tổng hợp sai phạm về cho vay đính kèm*); các sai phạm mang tính phổ biến, đặc biệt trong công tác thẩm định xét duyệt cho vay và kiểm tra, giám sát vốn vay, thể hiện khá nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành, hoạt động của Ban tín dụng. Cụ thể như sau:

3.1. Về hồ sơ vay vốn

QTDND Bến Gỗ thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như: Chưa thu thập hồ sơ, tài liệu thể hiện quy mô, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực tài chính của khách hàng. Nguồn trả nợ từ hoạt động kinh doanh hộ gia đình nhưng không thu thập sổ sách ghi chép, bảng kê thu mua hàng, đơn đặt hàng, biên lai nộp thuế ...liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng; nguồn trả nợ từ lương không có sao kê lương, hợp đồng lao động;....

Tổng sai phạm về hồ sơ vay vốn gồm 05 khách hàng (05 món vay) với tổng dư nợ 3.370 triệu đồng, chiếm 12,6% so với dư nợ cho vay được kiểm tra, (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các*

dạng sai phạm về cho vay đính kèm), cụ thể: (1) Lâm Minh Quy, dư nợ 800 triệu đồng; (2) Cao Hồng Phượng, dư nợ 700 triệu đồng; (3) Nguyễn Văn Hoàng, dư nợ 700 triệu đồng; (4) Trần Ngọc Đức, dư nợ 470 triệu đồng; (5) Trần Văn Mười, dư nợ 700 triệu đồng.

Việc QTDND Bến Gỗ chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy chế nội bộ của QTDND Bến Gỗ.

Những người có liên quan: Cán bộ tín dụng gồm Bùi Thị Thúy Đông (từ 01/7/2022 đến 08/3/2024) và Trịnh Xuân Tâm (từ 09/3/2024 đến nay).

3.2 Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay

QTDND Bến Gỗ thẩm định và xét duyệt cho vay còn sơ sài, chỉ ghi chung chung số liệu nhu cầu vay vốn, chưa nêu được các căn cứ để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn như:

- Báo cáo thẩm định chỉ thẩm định chung chung mục đích sử dụng vốn vay, tổng nhu cầu vay vốn, vốn tự có, vốn đề nghị vay, giá trị tài sản đảm bảo, thu nhập và chi phí sử dụng vốn vay. Chưa thẩm định phân tích, đánh giá cụ thể kế hoạch sử dụng vốn vay và hiệu quả của phương án vay vốn.

- Thẩm định nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (buôn bán, chạy xe dịch vụ, xây dựng, bán hàng online...) tuy nhiên cơ sở chứng minh số liệu thẩm định chưa đủ tính xác thực, độ tin cậy chưa cao. Nội dung thẩm định hầu như được sao chép lại toàn bộ phương án vay vốn của khách hàng, cho thấy công tác thẩm định cho vay của Quỹ chưa được chặt chẽ và chưa so sánh, đánh giá lại tính hợp lý, khả thi và mức độ hiệu quả của phương án vay vốn.

- Định kỳ hạn trả nợ chưa phù hợp với khả năng tài chính, chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng: khách hàng vay vốn có nguồn thu nhập thường xuyên từ lương, hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng lại định kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ dễ dẫn đến rủi ro trong hoạt động tín dụng;

- Đánh giá khả năng tài chính chưa chặt chẽ, chưa tra cứu thông tin nợ vay của khách hàng tại các TCTD khác để xem xét khả năng trả nợ tại Quỹ có thể đảm bảo trả nợ trong thời hạn theo hợp đồng tín dụng.

Tổng sai phạm về công tác thẩm định gồm 30 khách hàng (30 khoản vay) với tổng dư nợ 16.697 triệu đồng, chiếm 62,2% dư nợ kiểm tra (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*). Đơn cử một số khách hàng như: (1) Nguyễn Thị Minh, dư nợ 550 triệu đồng; (2) Nguyễn Thanh Tuyền, dư nợ 520 triệu đồng; (3) Lý Thị Ngọc Mỹ, dư nợ 600 triệu đồng; (4) Phan Trung Hiếu, dư nợ 600 triệu đồng; (5) Nguyễn Thị Xuân Trang, dư nợ 800 triệu đồng; (6) Lê Huỳnh Thúy Hà, dư nợ 800 triệu đồng; (7) Lưu Thị Viễn Phương, dư nợ 800 triệu đồng; (8) Trịnh Thị Liên, dư nợ 700 triệu đồng; (9) Lê Huỳnh Thúy Phượng, dư nợ 500 triệu đồng....

Việc thẩm định những khách hàng nêu trên là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Bến Gỗ.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Đinh Thị Thanh Huệ- Chủ tịch HĐQT; Giám đốc gồm Phạm Thị Diễm Phúc (từ 16/8/2022 đến 08/3/2024) và Mai Thị Quỳnh Như (từ 09/3/2024 đến nay); Phó Giám đốc Bùi Phạm Ngọc Hà; Trưởng phòng tín dụng gồm Mai Thị Quỳnh Như (từ 16/8/2022 đến 08/3/2024) và Hoàng Thị Tuyết Mai (từ 09/3/2024 đến nay); Cán bộ tín dụng gồm Bùi Thị Thúy Đông (từ 01/7/2022 đến 08/3/2024) và Trịnh Xuân Tâm (từ 09/3/2024 đến nay).

3.3 Về kiểm tra, giám sát vốn vay

QTDND Bến Gỗ có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay chưa thể hiện được việc kiểm tra, kiểm soát khoản vay trước, trong và sau khi cho vay được chặt chẽ, chỉ trích yếu lại thông tin khoản vay của khách hàng. Các kỳ kiểm tra, chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn theo phương án vay vốn được tài trợ đảm bảo khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, chưa theo dõi đánh giá lại nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu khác tại thời điểm kiểm tra, đảm bảo khả năng trả nợ trong thời gian vay. Chưa thường xuyên khai thác thông tin trên CIC trong kỳ kiểm tra để nắm bắt thông tin lịch sử tín dụng của khách hàng và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng, đảm bảo đủ trang trải chi phí nợ vay.

Tổng sai phạm về kiểm tra, giám sát gồm 27 khách hàng (27 khoản vay) với tổng dư nợ 16.127 triệu đồng, chiếm 60,1% so với dư nợ được kiểm tra (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*). Đơn cử một số khách hàng như: (1) Nguyễn Thị Ngọc Sang, dư nợ 300 triệu đồng; (2) Phan Văn Trung, dư nợ 200 triệu đồng; (3) Nguyễn Thị Thiện Nhân, dư nợ 600 triệu đồng; (4) Trần Văn Nhân, dư nợ 600 triệu đồng; (5) Trần Nguyễn Thanh Tâm, dư nợ 570 triệu đồng; (6) Võ Thành Vinh, dư nợ 680 triệu đồng; (7) Nguyễn Ngọc Xanh, dư nợ 680 triệu đồng; (8) Đinh Ngọc Hữu, dư nợ 800 triệu đồng; (9) Lê Thị Hương, dư nợ 700 triệu đồng; (10) Võ Thị Ánh Nguyệt, dư nợ 700 triệu đồng....

Việc QTDND Bến Gỗ kiểm tra, giám sát sử dụng vốn sau khi cho vay chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung.

Những người có liên quan: Cán bộ tín dụng gồm Bùi Thị Thúy Đông (từ 01/7/2022 đến 08/3/2024) và Trịnh Xuân Tâm (từ 09/3/2024 đến nay); Trưởng phòng tín dụng gồm Mai Thị Quỳnh Như (từ 01/7/2022 đến 08/3/2024) và Hoàng Thị Tuyết Mai (từ 09/3/2024 đến nay).

[illegible]

- Nhóm 1	39.437	295,78		39.659	297,439		39.707	297,805	
- Nhóm 2							40,3	0,302	2,015
- Nhóm 3							14,5	0,109	2,9
- Nhóm 4	17	0,125	8,35	39		19,7			
- Nhóm 5	406		214,65	255		63,85	238,5		47,5
3. Tỷ lệ nợ xấu	1,06			0,7			0,6		
4. Nợ đã xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng	549 (thời điểm 31/12/2022)			602 (thời điểm 31/12/2023)			601 (thời điểm 30/4/2024)		
5. Kết quả thu hồi nợ đã XLRR trong kỳ	2,6 (từ 01/01/2022 – 31/12/2022)			1,3 (từ 01/01/2023 – 31/12/2023)			1,3 (từ 01/01/2024 – 30/4/2024)		

(Nguồn: Báo cáo phân loại nợ, trích lập dự phòng của QTDND Bến Gỗ)

2.2 Kết quả thanh tra về công tác phân loại nợ, trích lập DPRR

- Chọn mẫu kiểm tra 50 hồ sơ tín dụng của khách hàng vay vốn còn dư nợ đến thời điểm 30/4/2024, nhận thấy việc phân loại nợ của QTDND Bến Gỗ Quý I/2024 được thực hiện vào ngày 05/4/2024 theo đúng quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

Nhóm	Tổng dư nợ của QTDND Bến Gỗ	Dư nợ của 50 hồ sơ tín dụng của khách hàng được thanh tra		
		Số liệu của QTDND Bến Gỗ	Số liệu của Đoàn thanh tra	Kết quả thanh tra so với báo cáo tăng (+), giảm (-)
1	39.987	26.595	26.595	0
2	40	0	0	0
3	14	0	0	0
4	0	0	0	0
5	238	238	238	0
Nợ xấu (nhóm 3+4+5)	252	238	238	0
Nợ xấu/Tổng dư nợ (%)	0,63%			0
Tổng cộng	40.279	26.834	26.834	0

- Kiểm tra việc trích lập dự phòng tại thời điểm 30/11/2022 (quý IV/2022), 30/11/2023 (quý IV/2023) và 31/3/2024 (quý I/2024), nhận thấy quý IV/2022 và Quý I/2024 QTDND Bến Gỗ thực hiện trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo đúng quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, riêng thời điểm 30/11/2023 (quý IV/2023) trích lập dự phòng chung thiếu 0,29 triệu đồng tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2023 QTDND Bến Gỗ đã trích lập bổ sung dự phòng chung theo đúng quy định cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

Thời điểm	Dự phòng chung			Dự phòng cụ thể		
	Phải trích	Đã trích	Chênh lệch	Phải trích	Đã trích	Chênh lệch
Quý IV/2022 (30/11/2022)	298,95	298,95	0	223	223	0
Quý IV/2023 (30/11/2023)	297,73	297,44	0,29	83,55	83,55	0
31/12/2023	292,14	292,14	0	48,1	48,1	0
Quý I/2024 (31/3/2024)	298,22	298,22	0	52,4	52,4	0

*Trách nhiệm người có liên quan: Nguyễn Thị Thu Hương – Kế toán trưởng;
Mai Thị Quỳnh Như – Giám đốc.*

2.3. Sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng:

Trong kỳ từ 01/07/2022 đến 30/4/2024 QTDND Bến Gỗ đã sử dụng DPRR để xử lý rủi ro đối với một số khách hàng. Tình hình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng một số thời điểm như sau:

- Thời điểm 31/12/2022, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 549 triệu đồng. Trong đó trong năm 2022 đã xử lý rủi ro đối với 07 khách hàng với tổng dư nợ 160,9 triệu đồng gồm: (1) Nguyễn Thị Dung, HẾTĐ số 075/073/HẾTĐ ngày 19/4/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 55 triệu đồng; (2) Phạm Thị Phở Phong, HẾTĐ số 254/253/HẾTĐ ngày 11/10/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 25,2 triệu đồng; (3) Lành Thị Mỹ Xuân, HẾTĐ số 067/067/HẾTĐ ngày 29/3/2017, dư nợ gốc xử lý rủi ro 24 triệu đồng; (4) Trần Thị Ngọc Yến, HẾTĐ số 022/023/HẾTĐ ngày 04/3/2021, dư nợ gốc xử lý rủi ro 16,7 triệu đồng; (5) Hà Thị Thiếu Anh, HẾTĐ số 219/216/HẾTĐ ngày 10/8/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 23 triệu đồng; (6) Nguyễn Thị Xuân Lộc, HẾTĐ số 185/182/HẾTĐ ngày 16/8/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 11 triệu đồng; (7) Trương Thị Hoàng Lan, HẾTĐ số 199/199/HẾTĐ ngày 28/8/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 6 triệu đồng và đã thu hồi nợ gốc đã xử lý của những khách hàng xử lý rủi ro của những năm trước là 2,6 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2023, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 602 triệu đồng. Trong đó trong năm 2023 đã xử lý rủi ro đối với 04 khách hàng với tổng dư nợ 54,35 triệu đồng gồm (1) Nguyễn Thị Vinh, HĐTD số 220/204/HĐTD ngày 11/9/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 7,2 triệu đồng; (2) Trần Thị Thủy, HĐTD số 089/102/HĐTD ngày 21/5/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 12,5 triệu đồng; (3) Lê Thị Ân, HĐTD số 195/187/HĐTD ngày 20/8/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 18,75 triệu đồng; (4) Trần Ngọc Thi, HĐTD số 235/290/HĐTD ngày 14/12/2018, dư nợ gốc xử lý rủi ro 15,9 triệu đồng và đã thu hồi nợ gốc đã xử lý của những khách hàng xử lý rủi ro của những năm trước là 1,3 triệu đồng.

- Thời điểm 30/4/2024, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 600,7 triệu đồng. Trong đó không phát sinh việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và trong 04 tháng đầu năm 2024 đã thu hồi nợ gốc đã xử lý của những khách hàng xử lý rủi ro của những năm trước là 1,3 triệu đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ xử lý rủi ro nhận thấy, QTDND Bến Gỗ thực hiện theo theo đúng quy định Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

PHẦN III NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Qua kết quả thanh tra tại QTDND Bến Gỗ, nhìn chung trong thời kỳ thanh tra QTDND Bến Gỗ đã có nhiều cố gắng trong công tác quản trị, điều hành, huy động vốn và cho vay đáp ứng nhu cầu vốn của thành viên, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra trong các lĩnh vực hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên của Quỹ có thể tiếp cận được nguồn vốn vay một cách kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải thiện cuộc sống, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương và hạn chế tình trạng tín dụng đen trên địa bàn; Tỷ lệ cấp tín dụng có tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ cao trên tổng dư nợ cho vay, nợ xấu được kiểm soát dưới 3% tổng dư nợ cho vay. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, QTDND Bến Gỗ còn một số tồn tại, sai phạm cần được chấn chỉnh, khắc phục, cụ thể:

1. Về công tác quản trị, điều hành: ban hành một số quy chế QTDND Bến Gỗ áp dụng các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực để làm cơ sở pháp lý dẫn đến một số nội dung trong quy chế nội bộ không còn phù hợp với quy định của pháp luật; một số quy chế chưa kịp thời ban hành quy chế sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành; một số quy chế ban hành còn chậm, chưa kịp thời so với thời điểm có hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật, ...

2. Về việc chấp hành các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động: tại thời điểm 30/4/2024 chưa chấp hành quy định về giới hạn cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng theo khoản 1 Điều 127 Luật Các TCTD và tiết a, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN tuy nhiên QTDND Bến Gỗ đã khắc phục kịp thời, thực hiện thu hồi trước hạn

các khoản vay, tại thời điểm kiểm tra, tổng dư nợ cho vay của các đối tượng nêu trên chiếm tỷ lệ 4,77% đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

3. Về chấp hành quy chế cho vay

- *Về hồ sơ vay vốn:* QTDND Bến Gỗ thực hiện cho vay đối với 05 khách hàng (05 món vay), tổng dư nợ 3.370 triệu đồng nhưng chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung.

- *Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:* QTDND Bến Gỗ thẩm định và xét duyệt cho vay còn sơ sài, chỉ ghi chung chung số liệu nhu cầu vay vốn, chưa nêu được các căn cứ để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn và đảm bảo khả năng trả nợ đối với 30 khách hàng (30 món vay), tổng dư nợ 16.697 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Bến Gỗ.

- *Về kiểm tra, giám sát vốn vay:* QTDND Bến Gỗ có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay không đầy đủ theo quy định; Chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng...đối với 27 khách hàng (27 món vay) với tổng dư nợ 16.127 triệu đồng là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung.

4. Về công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng: tại thời điểm quý IV/2023 trích lập dự phòng chung chưa đúng theo đúng quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, tuy vậy thời điểm 31/12/2023 Quỹ đã rà soát, kịp thời phát hiện và đã trích bổ sung dự phòng chung theo đúng quy định.

PHẦN IV

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không phát sinh

PHẦN V

KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Chánh thanh tra, giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai yêu cầu HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Giám đốc QTDND Bến Gỗ tổ chức và hoạt động theo đúng quy định; rà soát toàn bộ những tồn tại, sai phạm để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, đồng thời thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. HĐQT rút kinh nghiệm trong việc ban hành quy chế nội bộ chậm, chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành,

trình đại hội thành viên gần nhất thông qua và gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai theo quy định.

2. Nghiêm túc tuân thủ quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động đặc biệt giới hạn cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng. Chấp hành quy định về công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo nguồn dự phòng tài chính đối với các khoản nợ có vấn đề, giảm thiệt hại cho Quý.

3. Rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác thu thập hồ sơ vay vốn, đảm bảo hồ sơ vay vốn phải đầy đủ, đúng quy định trước khi thẩm định, xét duyệt cho vay. Bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định đối với 05 khách hàng, tổng dư nợ 3.370 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: tối đa 06 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

4. Chấn chỉnh công tác kiểm tra sử dụng vốn vay. Biên bản kiểm tra phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng nguồn trả nợ và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng khi nhận thấy có dấu hiệu suy giảm; thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn đối với các khách hàng 27 khách hàng tổng dư nợ 16.127 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: tối đa 06 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

5. Rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định đối với 30 khách hàng (30 khoản vay) với tổng dư nợ 16.697 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng thẩm định và xét duyệt cho vay đối với các khoản cho vay phát sinh mới, chú trọng thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn, thực trạng tài chính, đảm bảo đánh giá chặt chẽ phương án vay vốn của khách hàng, định kỳ hạn trả nợ phù hợp tình hình tài chính của khách hàng, chu kỳ sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ của khách hàng, hạn chế rủi ro mất vốn do khách hàng suy giảm tài chính, áp lực trả nợ cuối kỳ không trả được nợ.

6. Thực hiện kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, sai phạm được nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh; đồng thời xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, rà soát toàn bộ những nội dung chưa được thanh tra, lưu ý kiểm tra công tác tín dụng, theo dõi công tác chỉnh sửa sau thanh tra nhằm phát hiện kịp thời những sai phạm để chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

Yêu cầu Chủ tịch HĐQT, Giám đốc QTDND Bến Gỗ tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 27 trang và các biểu mẫu, phụ lục do Đoàn Thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra./...*ue*

Nơi nhận:

- QTDND Bến Gỗ (để thực hiện);
- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- Giám đốc NHNN Đồng Nai (để báo cáo);
- Phó Giám đốc Lê Xuân Hương (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi sau thanh tra);
- Lưu: VT; TTGS; HSTTr.

Đính kèm:

- Biểu số 1, biểu số 2, biểu số 3.
- Phụ lục 01, phụ lục 03, phụ lục 4.1, phụ lục 4.2, phụ lục 4.4, phụ lục 5.1, phụ lục 5.2, phụ lục 5.3, phụ lục 5.4

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT



Nguyễn Thanh Thủy

